

Số: 763 /CCĐTNĐKVIII-QLHT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THƯỜNG XUYÊN PHÍA NAM
Tháng 8 năm 2023

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III thông báo luồng đường thủy nội địa thường xuyên như sau:

- Tên luồng:** Đường thủy nội địa quốc gia khu vực phía Nam
- Tình hình mực nước**

TT	Sông, kênh, rạch	Trạm chính	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian
1	S Sài Gòn	Phú Cường (km 55+650)	+1.40	21/7	-1.15	17/7
2	R Cần Giuộc	Phước Đông (km 10+000)	+1.44	08/7	-2.06	04/7
3	S Đồng Nai	Biên Hòa (km 33+460)	+1.82	06/7	-1.78	20/7
4	S Vàm Cỏ Đông	Đức Huệ (km 74+660)	+2.17	05/7	+1.03	10/7
5	S Tiên	Sông Tiên (km 65+400)	+1.16	06/7	-1.70	17/7
6	K Chợ Gạo	Chợ Gạo (km 20+200)	+1.33	05/7	-1.49	17/7
7	K Chợ Lách	Chợ Lách (km 03+700)	+1.58	22/7	-1.40	14/7
8	S Bến Tre	Bến Tre (km 03+800)	+1.10	21/7	-1.60	07/7
9	S Măng Thít	Măng Thít (km 36+550)	+1.64	05/7	-1.46	19/7
10	K Phú Hữu Bãi Xàu	Sóc Trăng (km 11+150)	+1.93	21/7	-0.27	13/7
11	R Ô Môn	Ô Môn (km 04+140)	+1.68	23/7	-0.13	05/7

12	R Càn Thơ	Càn Thơ (km 07+700)	+1.59	05/7	-1.12	21/7
13	K Xà No	Vị Thanh (km 38+320)	+0.67	18/7	+0.05	01/7
14	K Rạch Giá Long Xuyên	Long Xuyên (km 01+500)	+1.99	07/7	-0.23	02/7
15	K Rạch Sỏi Hậu Giang	Thạnh An (km 26+870)	+1.07	19/7	+0.88	23/7
16	K Rạch Giá Hà Tiền	Hòn Đất (km 05+650)	+0.59	23/7	+0.17	14/7
17	K Tám Ngàn	Tri Tôn (km 06+300)	+0.91	07/7	+0.60	04/7
18	S Bảy Hạp	Năm Căn (km 00+800)	+1.37	11/7	-0.50	14/7
19	S Trèm Trẹm	Thới Bình (km 12+400)	+0.72	22/7	+0.26	13/7
20	S Ông Đốc	Sông Đốc (km 23+470)	+0.78	26/7	+0.18	08/7
21	K Bạc Liêu Cà Mau	Bạc Liêu (km 63+000)	+1.22	24/7	+0.15	10/7
22	K Lấp Vò Sa Đéc	Lấp Vò (km 37+300)	+1.87	16/7	+0.05	15/7
23	S Tiên	Cao Lãnh (km 180+000)	+1.46	07/7	-0.74	11/7
24	S Tiên	Tân Châu (km 237+600)	+1.67	24/7	-0.25	04/7
25	S Vàm Cỏ Tây	Mộc Hóa (km 129+650)	+0.89	06/7	+0.37	19/7
26	K Tháp Mười Số 1	Tân Thạnh (km 14+000)	+1.60	19/7	+0.45	05/7
27	K Tháp Mười Số 1	An Long (km 89+800)	+1.09	26/7	-0.40	06/7
28	K Tháp Mười Số 2	Mỹ An (km 61+500)	+0.92	06/7	+0.04	19/7

3. Tình hình luồng

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
1	Hồ Trị An	Cầu La Ngà (km 40+000)	Hk: 2.4	16	MN 5%	
2	Kênh Cây Khô	Km 0+000 ÷ Km 3+400	h: 1.38	25	MN 98%	
3	Kênh Thủ Thừa	Km 0+000 ÷ Km 10+300	h: 1.93	24	MN 98%	
3	S. Chợ Đệm Bến Lức	Km 9+00 ÷ Km 20+200	h: 0.61	30	MN 98%	
4	Sông Sài Gòn	Km 99+950 ÷ Km 100+150	h: 3.07	45	MN 98%	
		Km 101+850 ÷ Km 114+680	h: 3.17	25	MN 98%	
		Km 115+500 ÷ Km 126+000	h: 1.20	52	MN 98%	
5	Sông Vàm Cỏ	Km 0+000 ÷ Km 7+000	h: 2.5	150	MN 98%	
		Km 34+480 ÷ Km 34+800	h: 4.68	150	MN 98%	
6	S Vàm Cỏ Đông	Km 0+000 ÷ Km 2+500	h: 3.78	130	MN 98%	
7	S Vàm Cỏ Tây	Cầu Mộc Hóa (km 128+710)	Hk: 3.5	27	MN 5%	
		Xác tàu chìm cũ (km 34+200)	h: 2		MN 98%	Ngoài luồng
		Cọc sắt và trụ neo tàu (km 33+970 ÷ 34+090)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng
		Km 155+600 ÷ Km 162+000	h: 2.68	24	MN 98%	
8	Sông Đồng Nai	Km 89+800 ÷ Km 90+400	h: 2.98	35	MN 98%	
9	Nhánh cù lao Rùa	Km 5+950 ÷ Km 6+100	h: 1.76	50	MN 98%	
10	R Ồng Lớn	Km 0+000 ÷ Km 5+000	h: 2.00	26	MN 98%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Cầu Rạch Ông (km 4+900)	Hk: 5	16	MN 5%	
		Cầu Ông Lớn (km 1+900)	Hk: 5.5	20	MN 5%	
11	K Nước Mặn	Cầu Kênh Nước Mặn (km 0+900)	Hk: 9	40	MN 5%	
		Cọc sắt cừ Larsen (km 0+900)	h: 2		MN 98%	Ngoài luồng
12	S Bến Tre	Km 0+500 ÷ Km 2+500	h: 1.24	50	MN 98%	
		Cầu Bến Tre (km 4+360)	Hk: 6	26	MN 5%	
		Cầu An Hóa (km 6+200)	Hk: 6.5	28	MN 5%	
13	K Mỏ Cà	Km 7+150 ÷ Km 14+000	h: 3.00	16	MN 98%	
		Cầu Mỏ Cà (km 7+765)	Hk: 4	20	MN 5%	
		Đường dây điện (km 13+132)	Hk: 7		MN 1%	
		Cầu Thom (km 13+245)	Hk: 6	30	MN 5%	
14	Kênh 28	Cầu Thông Lưu (km 8+060)	Hk: 2.6	24	MN 5%	
15	K Phước Xuyên	Cầu Tân Phước (km 27+500)	Hk: 4.5	30	MN 5%	
		Km 0+000 ÷ Km 27+740	h: 2.89	20	MN 98%	
16	K Tư Mới	Cầu Mỹ An (km 9+823)	Hk: 3.7	20	MN 5%	
		Km 0+000 ÷ Km 10+178	h: 2.66	22	MN 98%	
17	K Trà Vinh	Cầu Long Bình 1 (km 4+500)	Hk: 2	16	MN 5%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km 0+000 ÷ Km 4+750	h: 0.50	36	MN 98%	
18	K Chợ Gạo	Km 10+000 ÷ Km 11+500	h: 1.60	26	MN 98%	
19	R Kỳ Hôn	Km 27+900 ÷ Km 28+200	h: 1.50	55	MN 98%	
20	K. Xáng Long Định	Cầu Long Định (km 8+308)	Hk: 2.4	20	MN 5%	
		Km 0+000 ÷ Km 0+900	h: 1.00	30	MN 98%	
21	S Cái Bé	Km 5+370 ÷ Km 6+020	h: 1.98	35	MN 98%	
23	S Cái Lớn	Km 36+500 ÷ Km 39+000	h: 3.45	54	MN 98%	
23	S Cái Tàu	Km 12+020 ÷ Km 13+480	h: 2.55	52	MN 98%	
24	R Cái Tư	Km 2+000 ÷ Km 4+600	h: 2.64	36	MN 98%	
		Km 8+400 ÷ Km 10+250	h: 2.64	36	MN 98%	
		Km 10+450 ÷ Km 11+450	h: 2.64	36	MN 98%	
25	R Cái Nhứt	Km 0+000 ÷ Km 2+940	h: 0.43	36	MN 98%	
		Km 3+034 ÷ Km 3+075	h: 1.02	18	MN 98%	
26	K Tắc Cây Trâm	Km 0+000 ÷ Km 4+500	h: 0.33	36	MN 98%	
27	R Ngã Ba Đình	Km 5+100 ÷ Km 5+800	h: 2.80	36	MN 98%	
		Km 7+100 ÷ Km 7+650	h: 2.80	36	MN 98%	
28	S Cỏ Cò	Km 26+600 ÷ Km 29+200	h: 2.15	36	MN 98%	
29	K Phú Hữu Bãi	Km 15+100 ÷ Km	h: 1.81	19	MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
	Xàu	15+900			98%	
30	R Thạnh Lợi	Km 0+000 ÷ Km 3+200	h: 1.81	21	MN 98%	
31	R Ba Xuyên Dù Tho	Km 0+000 ÷ Km 7+600	h: 1.86	25	MN 98%	
32	Rạch Ô Môn	Cầu Ô Môn (km 6+540)	Hk: 3.2	15	MN 5%	
		Cầu Thới Lai (km 15+200)	Hk: 4	16	MN 5%	
		Km 11+100 ÷ Km 15+130	h: 3.00	25	MN 98%	
33	K Thốt Nốt	Km 0+000 ÷ Km 4+690	h: 1.72	26	MN 98%	
34	K Tắc Cậu	Km 0+000 ÷ Km 1+520	h: 3.57	45	MN 98%	
35	R Khe Luông	Km 0+000 ÷ Km 1+500	h: 1.62	20	MN 98%	
36	S Hậu Nhánh Nặng Gò Thị Hòa	Km 8+500 ÷ Km 16+550	h: 1.67	52	MN 98%	
37	R Ông Chưởng	Km 0+000 ÷ Km 23+000	h: 1.70	25	MN 98%	
		6 cọc BTCT, phía bờ trái, km 5+850	h: 1.50			Trong hành lang 3m
38	S Tiền	Km 232+000 ÷ Km 233+000	h: 3.98	150	MN 98%	
39	Nhánh cù lao Long Khánh	Móng trụ điện bên trái luồng (km 7+510)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng
		Km 2+000 ÷ Km 4+000	h: 4.66	150	MN 98%	
40	S Hàm Luông	Km 8+244 ÷ Km 16+400	h: 1.34	150	MN 98%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
41	K Mạc Cản Dung	Cầu Treo 13 (km 12+480)	Hk: 3.8	22	MN 5%	
		Km 8+800 ÷ Km 10+200	h: 1.24	22	MN 98%	
42	K Tám Ngàn	Km 0+000 ÷ Km 36+575	h: 2.70	20	MN 98%	
43	K Vĩnh Tế	Cầu Vĩnh Ngươn (km 0+530)	Hk: 3.2	24	MN 5%	
		Km 0+000 ÷ Km 8+600	h: 2.97	25	MN 98%	
44	K. Rạch Giá Long xuyên	C. Nguyễn Trung Trực (km 0+890)	Hk: 4.7	22	MN 5%	
		Cầu Thành Vĩnh (km 14+157)	Hk: 4.5	46	MN 5%	
		Cầu Ba Bần (km 18+385)	Hk: 5	25	MN 5%	
		Cầu Thoại Hà (km 27+635)	Hk: 5.3	26	MN 5%	
		Cầu Thoại Hà 3 (km 36+680)	Hk: 5.3	30	MN 5%	
		Cầu Đập Đá (km 50+745)	Hk: 4.3	30	MN 5%	
		Đá ngầm (km 30+380)	h: 2.5	12	MN 98%	
		Hàng cọc BT Km 50+400, phía bờ phải	h: 1.00		MN 98%	Lấn hành lang 5.7m
		Hàng cọc BT Km 55+180, phía bờ phải	h: 1.00		MN 98%	Lấn hành lang 5.7m
		Gốc cây Km 55+400, phía bờ trái	h: 1.00		MN 98%	Cách bờ 12m

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km 0+200 ÷ Km 0+917	h: 2.65	18	MN 98%	
		Km 8+050 ÷ Km 18+000	h: 3.15	20	MN 98%	
		Km 18+000 ÷ Km 50+200	h: 2.72	10	MN 98%	
		Km 50+200 ÷ Km 63+000	h: 2.68	30	MN 98%	
45	K Vành Đai	Km 0+000 ÷ Km 7+836	h: 2.70	23	MN 98%	
46	K Rạch Giá Hà Tiên	Km 0+000 ÷ Km 24+800	h: 3.10	22	MN 98%	
		Km 24+800 ÷ Km 80+300	h: 2.60	20	MN 98%	
47	K Rạch Sỏi Hậu Giang	Km 0+000 ÷ Km 22+500	h: 3.40	30	MN 98%	
		Km 22+500 ÷ Km 59+420	h: 4.40	20	MN 98%	
		Cọc BT (9mx5.8m), Km 4+340 ÷ Km 4+480	h: 1.5	30	MN 98%	Bố trí phao A1.2
48	K Ông Hiền Tà Niên	Km 0+000 ÷ Km 5+180	h: 2.64	21	MN 98%	
49	K Ba Hòn	Km 0+000 ÷ Km 6+222	h: 2.62	17	MN 98%	
50	K Ba Thê	Km 0+000 ÷ Km 57+200	h: 2.56	20	MN 98%	
51	K Tri Tôn Hậu Giang	Km 0+000 ÷ Km 33+000	h: 3.04	25	MN 98%	
		Km 33+000 ÷ Km 58+125	h: 2.15	15	MN 98%	
52	Kênh Xà No	Mảng bê tông, kè BT (km 32+850)	h: 0.8	28	MN 98%	
		Km 29+000 ÷ Km 39+749	h: 2.89	17	MN 98%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
53	S Bảy Hạp	Cầu BTCT và cọc BTCT, phía bờ phải, km 0+750 ÷ km 0+650	h: 1.00		MN 98%	Nằm trong hành lang
54	K. Lương Thế Trân	Km 0+000 ÷ Km 9+850	h: 2.11	36	MN 98%	
		Km 9+850 ÷ Km 10+000	h: 1.16	25	MN 98%	
55	K Tắc Vân	Cống BTCT chữ nhật (km 0+120)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng
		Km 8+900 ÷ Km 9+000	h: 2.88	35	MN 98%	
56	S Gành Hào	Km 0+000 ÷ Km 6+865	h: 1.29	52	MN 98%	
		Km 37+400 ÷ Km 49+300	h: 3.00	20	MN 98%	
57	S Ông Đốc	Km 2+400 ÷ Km 6+300	h: 3.00	70	MN 98%	
		Km 15+300 ÷ Km 41+500	h: 2.15	70		
		Km 41+500 ÷ Km 49+650	h: 1.06	55		
58	S Trèm Trèm	Km 0+000 ÷ Km 46+100	h: 3.00	36	MN 98%	
59	K. Sông Trèm Cạnh Đền	Cầu Vĩnh Thuận (km 7+745)	Hk: 6.5	27	MN 5%	
		Cầu Kênh 14 (km 14+440)	Hk: 6	24	MN 5%	
		Km 0+000 ÷ Km 33+500	h: 3.00	25	MN 98%	
60	K Bạc Liêu Vàm Léo	Km 10+860 ÷ Km 18+055	h: 2.44	20	MN 98%	
61	K. Bạc Liêu Cà Mau	Cầu Giá Rai (km 30+175)	Hk: 3.8	22	MN 5%	
		Km 0+000 ÷ Km	h: 2.00	30	MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		9+000 Km 40+600 ÷ Km 50+600	h: 1.58	30	98%	
62	R Cái Côn	Km 16+100 ÷ Km 16+600	h: 2.91	45	MN 98%	
63	K Xà No	Km 29+000 ÷ Km 39+749	h: 2.89	17	MN 98%	
64	K. Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Phước Long (km 58+210)	Hk: 3.8	20	MN 5%	
		Km 0+400 ÷ Km 93+500	h: 2.30	36	MN 98%	
65	K. Tháp Mười số 1	Cầu Tân Thạnh (km 15+980)	Hk: 3.4	21	MN 5%	
		C.treo Chùa Long Thành (km 23+220)	Hk: 3	28.9	MN 5%	
		Cầu treo Tân Lập (km 27+720)	Hk: 3.7	28.3	MN 5%	
		C.treo Hậu Thạnh Đông (km 33+879)	Hk: 3.7	28.3	MN 5%	
		Cầu Trường Xuân (km 47+375)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Đường Thét (km 55+094)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Mười Tài (km 62+339)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Tam Nông (km 68+975)	Hk: 5	29.6	MN 5%	
		Cầu Treo Tam Nông (km 69+710)	Hk: 2.5	20	MN 5%	
		Cầu Tràm Chim (km 70+266)	Hk: 3.6	28	MN 5%	
		Cầu An Long (km 89+585)	Hk: 3	17	MN 5%	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		Km 0+082 ÷ Km 90+000	h: 0.58	36	MN 98%	
66	Kênh Tháp Mười số 2	Cống Rạch Chanh (km 01+150)	Hk: 1.8	5	MN 5%	
		Km 21+720 ÷ Km 93+560	h: 1.44	25	MN 98%	
67	K. Hồng Ngự Vĩnh Hưng	Cầu Hồng Ngự (km 43+985)	Hk: 2.9	19	MN 5%	
		Km 3+300 ÷ Km 43+056	h: 2.99	18	MN 98%	
		Km 43+083 ÷ Km 43+556	h: 1.99	26	MN 98%	
68	K 4 Bis	Cầu Sắt Mỹ An (km 0+110)	Hk: 3	19.5	MN 5%	
		Km 8+400 ÷ Km 10+000	h: 2.26	36	MN 98%	
69	K Lấp Vò Sa Đéc	Cầu Sắt Sa Đéc (km 16+320)	Hk: 5.9	30	MN 5%	
		Cầu Nàng Hai (km 18+900)	Hk: 5	20	MN 5%	
		Bờ kè trường cao đẳng nghề Đồng Tháp sụp (km 16+020 ÷ 16+060)	h: 1		MN 98%	Ngoài luồng, bên phải
		Km 8+000 ÷ Km 10+000	h: 2.70	26	MN 98%	
		Km 12+400 ÷ Km 14+400	h: 2.70	26	MN 98%	
		Km 23+000 ÷ Km 23+500	h: 3.00	30	MN 98%	
		Km 26+500 ÷ Km 29+900	h: 2.46	30	MN 98%	
		Km 29+900 ÷ Km 34+400	h: 1.46	30	MN 98%	
		Km 34+500 ÷ Km	h: 2.70	26	MN	

TT	Sông, kênh, rạch	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét)	Chiều rộng (B) (Mét)	Ngày đo	
		42+500			98%	

4. Những điều cần lưu ý:

- Kênh Tháp Mười số I: tại km 89+815 ÷ km 89+945, phía bờ phải có dãy nhà sàn lấn ra hành lang luồng.
- Kênh Tháp Mười số II: Tại km 62+000 có cầu Nguyễn Văn Tiếp A (Thị trấn Mỹ An) và tại km 69+575 có cầu Nguyễn Văn Tiếp A (Chợ Mỹ Quý) đang thi công, có triển khai phương án đảm bảo giao thông; Cầu Rạch Chanh đang thi công tại km 2+720, có bố trí báo hiệu và phương án điều tiết đảm bảo giao thông thủy.
- Kênh Lấp Vò Sa Đéc: tại km 2+765 công trình cầu Nguyễn Huệ đang thi công, có triển khai phương án đảm bảo giao thông bằng báo hiệu kết hợp trạm điều tiết hướng dẫn.
- Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng: đang thi công nạo vét tại thành phố Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, tại công trường có triển khai phương án phương án đảm bảo giao thông bằng trạm điều tiết kết hợp báo hiệu.
- Kênh 4 Bis: tại km 8+530 đang thi công xây dựng cầu Mỹ Hòa, có triển khai phương án đảm bảo giao thông; Km 14+900 có cầu Kinh Tứ đang thi công, có triển khai phương án đảm bảo giao thông.
- Sông Tiền: tại khu vực Km 124+650 có công trình cầu Mỹ Thuận 2 đang thi công, tại đây có hệ thống báo hiệu và điều tiết hướng dẫn đảm bảo giao thông; Km 162+317 ÷ Km 164+317 phía bờ phải, khu vực xã Tân Mỹ, Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có công trình kè chống sạt lở bờ đang thi công, có thực hiện phương án bảo đảm an toàn giao thông; Tại Km 74+900 đang triển khai thi công cầu Rạch Miễu 2, có phương án bảo đảm giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết hướng dẫn giao thông.
- Sông Hồ cú (nhánh sông Tiền): từ Km 0+250 đến Km 2+845 phía bờ trái, thuộc xã Hòa An và phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đang thi công kè, có triển khai phương án đảm bảo giao thông, các phương tiện lưu thông qua khu vực này cần lưu ý.
- Kênh Chợ Gạo: điều tiết phục vụ thi công công trình nạo vét đảm bảo giao thông (giai đoạn 2);
- Rạch Kỳ Hôn: Từ km 6+250 đến km 6+750 phía bờ trái (khu vực ngã ba

sông Tiền), thuộc xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đang thi công kè, có bố trí báo hiệu và trạm điều tiết hướng dẫn giao thông; Công trình thi công cầu Chợ Gạo tại km 6+210, giao thông thủy tại đây bị hạn chế, có bố trí hệ thống báo hiệu hướng dẫn..

- Sông Bến Tre: tại km 2+700 triển khai thi công phần nhịp giữa cầu Rạch Vong đã xong, đang hoàn thiện mặt cầu.

- Kênh Thị Đội Ô Môn: tại km 21+650 có cầu An Thành đã thi công xong nhưng chưa lắp đặt báo hiệu tĩnh không, khẩu độ cầu.

- Trên sông Cái Lớn: tại km 03+630 phía bờ phải, thuộc địa phận xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có công trình Trạm quan trắc nhô ra khỏi bờ 35m không lắp đặt báo hiệu, các phương tiện cần chú ý khi lưu thông đến khu vực này.

- Trên rạch Cần Thơ: tại km 05+770 cầu Trần Hoàng Na đang thi công, có phương án đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và điều tiết hướng dẫn giao thông; Từ km 8+360 ÷ km 9+400 (khu vực Chợ nổi Cái Răng) phương tiện thủy thường neo đậu ngoài phạm vi vùng nước được cấp phép, gây cản trở cho phương tiện khi lưu thông qua khu vực này.

- Trên sông Cổ Cò: Tại km 16+200 đang thi công cầu Cổ Cò, có triển khai phương án đảm bảo giao thông.

- Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp: tại km 101+700 (thượng lưu cống Cà Mau khoảng 120m), tỉnh Cà Mau đã xây dựng xong cầu Phụng Hiệp có tĩnh không thấp (4m); tại km 79+185 công trình cầu Chủ Chí đang ngừng thi công, đảm bảo giao thông bằng báo hiệu; Khu vực luồng hẹp và cạn Ngã Năm từ km 37+390 ÷ km 38+220, phương tiện chú ý khi đến đoạn luồng này; Tại km 25+000 – km 93+500 triển khai thi công rà phá bom mìn, vật liệu nổ, hạn chế giao thông, các phương tiện cần chú ý.

- Kênh Tắc Vân: tại km 0+120 tồn tại một cống BTCT, có báo hiệu chướng ngại vật tại đây.

- Kênh Lương Thế Trân: tại km 08+500 đang triển khai thi công cầu bắc qua Kênh Lương Thế Trân, công trình đang điều tiết đảm bảo giao thông bằng báo hiệu đường thủy nội địa.

- Sông Ông Đốc: tại km 07+940 cầu Sông Đốc đang thi công, có đảm bảo giao thông thủy bằng báo hiệu và trạm điều tiết giao thông.

- Sông Bảy Hạp: tại Km 0+750 bờ trái và km 0+650 bờ phải có cầu BTCT và cọc BTCT sập nằm trong hành lang bảo vệ luồng, khi thủy triều lên chúng trở thành VCN nguy hiểm cho phương tiện đi sát bờ.

- Kênh Bảy Hạp Gành Hào: tại km 0+330 đang thi công cầu Bảy Hạp, vẫn duy trì đảm bảo giao thông bằng báo hiệu.

- Kênh Tắt Năm Căn: tại km 0+850 phía bờ phải, thuộc khu vực thị trấn Năm Căn có 01 ghe gỗ chìm trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng, các phương tiện lưu thông đến khu vực lưu ý.

- Sông Gành Hào: cầu Gành Hào đang triển khai thi công tại km 11+900, có

đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Sông Hậu: tại Km 210+200 công trình thi công cầu Châu Đốc đã lắp đặt báo hiệu dưới nước, trên bờ; có trạm điều tiết đảm bảo giao thông.

- Kênh Ba Thê: tại Km 36+805 có công trình cầu Mướp Văn đang thi công, đã lao lắp dầm nhịp khoang thông thuyền; Tại Km 15+220 có công trình tháo dỡ cầu Dinh đang thi công, hiện công trình đang thi công phần móng trụ phía trong bờ, không sử dụng phương tiện neo đậu trong luồng.

- Trên kênh Mặc Cần Dung: tại Km 5+560 đang thi công cầu số 10, đảm bảo giao thông thủy bằng báo hiệu.

- Kênh Rạch Giá Long Xuyên: tại Km 55+440 phía bờ trái, tồn tại gốc cây cách mép bờ tự nhiên khoảng 12m, có lắp báo hiệu vật chướng ngại tạm, chò thanh thép; tại km 30+380 phía bờ trái có dải đá ngầm cách mép luồng 5m, có lắp báo hiệu tạm; tại Km 3+938 công trình cầu vượt đường tránh TP Long Xuyên đang thi công, có đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Kênh Ông Hiền Tà Niên: tại Km 0+420 – Km 0+500 công trình Cống ngăn mặn Vàm Bà Lịch đang triển khai thi công, đảm bảo giao thông thủy bằng báo hiệu và trạm điều tiết giao thông.

- Kênh Rạch Giá Hà Tiên: tại Km 20+360 có công trình cầu Mỹ Thái đang tạm ngưng thi công, đảm bảo giao thông thủy bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang: tại khu vực từ Km 4+340 ÷ Km 4+480, tồn tại vật chướng ngại: sào, cọc bê tông kích thước (9m x 5,8m), có bố trí 01 phao A1.2 tại đây; Tại km km 3+200 có cầu Kênh Xáng đang thi công, đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Kênh Tám Ngàn: tại km 3+920 cầu Cây Me 2 đang thi công, có triển khai đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết hướng dẫn giao thông.

- Trên sông Sài Gòn: Phía thượng lưu từ Km 130+100 ÷ Km 141+300 có một số bè cá, vó cá lấn chiếm luồng tàu, tại Km 136+100 có 01 đường dây điện dân sinh (tự phát do dân kéo) có tĩnh không chỉ 2m, các phương tiện lưu thông đến đây chú ý.

- Trên sông Vàm cỏ Tây: Tại Km 31+273 có cầu Tân An mới đang thi công tới giai đoạn đúc hẫng nhịp khoang thông thuyền, đảm bảo giao thủy bằng báo hiệu.

- Trên kênh Thủ Thừa: tại km 5+270 đang thi công cầu Bê tông Thủ Thừa mới, đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết; tại km 3+750 triển khai thi công cầu Cây Da, đảm bảo giao thông bằng hệ thống báo hiệu.

- Trên sông Cần Giuộc: khu vực từ Km 23+000 ÷ km 24+900 thi công cầu Cần Giuộc (Km 23+400), công trình đang thi công cả 2 phía bờ, đảm bảo giao thông bằng báo hiệu.

- Trên sông Đồng Nai: tại Km 56+000 đang thi công cầu Bạch Đằng 2, đảm bảo giao thông bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

- Trên Hồ Trị An: ngang Km 10+500 có công trường đang khai thác cát do Công ty Đồng Tâm thực hiện, không ảnh hưởng luồng.

- Đang triển khai điều tiết tại cầu Đồng Nai trên sông Đồng Nai, cầu Măng Thít trên kênh Măng Thít, cầu Ô Môn trên rạch Ô Môn, cầu Cái Sắn trên kênh Rạch Sỏi Hậu Giang, cầu An Long trên kênh Tháp Mười số 14

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Cảng vụ ĐTNĐ KV III, IV;
- Website Chi cục ĐTNĐ KV III;
- Lưu VT, QLHT;

**KT CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trần Quang Trung

